

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Tel: 057. 3899176 Fax: 057. 3823466



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Quý IV năm 2014*

**TP.Tuy Hòa, tháng 01-2015**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 27

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vận tải & Thương mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123162 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

*Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:*

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 06 tháng 02 năm 2013 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 23 tháng 09 năm 2013 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **Danh sách cổ đông sáng lập:**

Tên cổ đông	Loại CP	Số cổ phần	Giá trị CP VND
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Trương Trọng Cừ	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
<b>Cộng</b>		<b>11.802.000</b>	<b>118.020.000.000</b>

• **Trụ sở chính:**

00  
COP  
CO  
HU  
UYT

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-057) 3824229

Fax : (84-057) 3823466

Mã số thuế : 4 4 0 0 1 2 3 1 6 2

Email: [info@thuanthao.vn](mailto:info@thuanthao.vn)

Website: <http://www.thuanthao.vn>

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: Phòng vé xe khách chất lượng cao, Công ty cổ phần Bến xe Bình Định, đường Tây Sơn, Khu vực 5, phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo - Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

• **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tour du lịch lữ hành, điều hành tour du lịch. Đại lý tour du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sản giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

### **Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng Quản trị:***

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
- Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng Quản trị
- Ông Võ Văn Thuận	Thành viên
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên
- Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên

#### ***Ban Kiểm soát***

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
- Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Ánh Loan	Thành viên

#### ***Ban Tổng Giám đốc Công ty:***

<b><u>Họ và tên</u></b>	<b><u>Chức vụ</u></b>
- Bà Võ Thị Thanh	Tổng Giám đốc
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**VÕ THỊ THANH** – Tổng Giám đốc

Thành phố Tuy Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2015

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>675.960.971.472</b>	<b>560.035.668.722</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>299.754.211</b>	<b>333.926.044</b>
Tiền	111	VI.1	299.754.211	333.926.044
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	VI.2	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		400.000.000.000	400.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>267.686.133.439</b>	<b>148.285.518.224</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	2.207.643.288	14.650.627.982
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	36.367.179.395	30.848.992.303
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	229.111.310.756	102.785.897.939
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.967.958.071</b>	<b>5.438.873.399</b>
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	4.967.958.071	5.438.873.399
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.007.125.751</b>	<b>5.977.351.055</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	2.719.560.464	5.365.260.044
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.8	287.565.287	612.091.011
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>963.852.621.803</b>	<b>1.015.581.730.093</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>889.706.824.750</b>	<b>912.649.095.262</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	883.681.744.316	907.600.346.990
Nguyên giá	222		1.081.715.390.699	1.071.258.539.657
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.033.646.383)	(163.658.192.667)



2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.11	6.025.080.434	5.048.748.272
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>74.145.797.053</b>	<b>102.932.634.831</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	73.677.197.053	102.469.034.831
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.13	468.600.000	463.600.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b><u>1.639.813.593.275</u></b>	<b><u>1.575.617.398.815</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.188.502.763.469</b>	<b>1.124.788.912.365</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>773.392.479.366</b>	<b>688.234.978.786</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.14	353.481.009.672	352.474.545.143
2. Phải trả người bán	312	VI.15	21.105.860.617	17.809.192.698
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.16	494.773.674	611.579.533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.17	63.408.794.321	62.079.811.334
5. Phải trả người lao động	315	VI.18	4.834.837.611	4.609.156.000
6. Chi phí phải trả	316	VI.19	315.670.395.900	241.693.041.945
7. Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.20	13.882.705.962	8.411.435.980
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		514.101.609	546.216.153
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>415.110.284.103</b>	<b>436.553.933.579</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.21	24.494.381.751	24.557.346.751
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.22	390.615.902.352	411.996.586.828
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>451.310.829.806</b>	<b>450.828.486.450</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>451.310.829.806</b>	<b>450.828.486.450</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.23	435.030.000.000	435.030.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.23	9.208.474.460	9.138.181.391
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.23	2.599.324.483	2.564.177.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.23	4.473.030.863	4.096.127.111
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.639.813.593.275</b>	<b>1.575.617.398.815</b>

31/12/14  
T.Á.  
17  
1.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		-	-

Tỉnh Phú Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2015



*[Handwritten signature]*

**HUỲNH THỊ KHOA TRÂM**  
Người lập biểu

*[Handwritten signature]*

**NGUYỄN VĂN NHƯ**  
Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*

**VÕ THỊ THANH**  
Tổng Giám đốc

*[Handwritten mark]*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2014

			Quý IV/2014	Quý IV/2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV/2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	32.418.295.184	39.049.577.844	221.593.088.288	285.341.970.597
2.	Các khoản giảm trừ	2	78.257.690	534.991.017	314.656.297	741.529.665
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VII.1	32.340.037.494	38.514.586.827	221.278.431.991	284.600.440.932
4.	Giá vốn hàng bán	11 VII.2	55.736.178.450	47.770.573.451	203.850.591.605	260.488.725.922
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(23.396.140.956)	(9.255.986.624)	17.427.840.386	24.111.715.010
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21 VII.3	1.035.797	28.801.394.197	8.397.688	57.613.016.798
7.	Chi phí tài chính	22 VII.4	72.045.493.785	33.967.863.483	91.797.356.368	100.479.066.204
	Trong đó: chi phí lãi vay	23	72.045.493.785	33.967.863.483	91.797.356.368	100.479.066.204
8.	Chi phí bán hàng	24 VII.5	7.177.694.599	14.494.817.959	28.498.402.218	25.212.092.739
9.	Chi phí quản lý DN	25 VII.6	13.065.189.722	16.954.718.568	31.522.421.750	38.382.856.460
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(115.683.483.265)	(45.871.992.437)	(134.381.942.262)	(82.349.283.595)
11.	Thu nhập khác	31 VII.7	116.294.945.444	45.951.012.679	138.570.872.879	86.746.810.172
12.	Chi phí khác	32 VII.8	1.074.018.580	5.839.684	3.345.850.870	3.393.998.546
13.	Lợi nhuận khác	40	115.220.926.864	45.945.172.995	135.225.022.009	83.352.811.626
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(462.556.401)	73.180.558	843.079.747	1.003.528.031
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 VII.9	-	18.295.140	201.410.159	300.597.341
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(462.556.401)	54.885.419	641.669.588	702.930.690
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(11)	1	15	16

12/12/14  
T.P.

HUỶNH THỊ KHOA TRÂM  
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN NHƯ  
Kế toán trưởng

VÕ THỊ THANH  
Tổng Giám đốc



h

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2014	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		843.079.747	1.003.528.031
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		38.694.718.192	38.833.524.484
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(78.364.333)	(57.692.195.466)
Chi phí lãi vay	06		91.797.356.368	100.479.066.204
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		131.256.789.974	82.623.923.253
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(123.043.589.491)	309.387.235
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		470.915.328	(86.112.420)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.883.560.814)	(56.538.134.561)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		31.437.537.358	(1.469.085.577)
Tiền lãi vay đã trả	13		66.186.940	(24.794.215.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.061.207.058)	(1.361.550.002)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	5.997.700.408
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(196.440.776)	(10.964.132.318)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		32.046.631.461	(6.282.219.573)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.045.081.602)	(8.924.659.156)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.363.636.364	2.775.454.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.974.861.891	13.016.798
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		(11.706.583.347)	(6.136.187.813)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			


Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	103.008.037.381	276.561.919.701
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.382.257.328)	(222.493.042.491)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(44.386.838.754)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(20.374.219.947)</b>	<b>9.682.038.456</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(34.171.833)</b>	<b>(2.736.368.930)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>333.926.044</b>	<b>3.070.294.974</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>299.754.211</b>	<b>333.926.044</b>



**HUỖNH THỊ KHOA TRÂM**  
Người lập biểu



**NGUYỄN VĂN NHƯ**  
Kế toán trưởng



**VÕ THỊ THANH**  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch.
- **Ngành nghề kinh doanh** :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sản giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

SỔ KẾ TOÁN  
12/17

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012 TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

### III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

### IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

#### 2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và các khoản trả khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

### **5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

### **6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

#### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

#### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 5 năm.

### 11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

### 15. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	187.935.500	240.791.044
- Tiền gửi ngân hàng	107.763.710	90.420.000
- Tiền đang chuyển	4.055.001	2.715.000
<b>Cộng</b>	<b>299.754.211</b>	<b>333.926.044</b>

### 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cho vay Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	400.000.000.000	400.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>

### 3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	-	11.033.000.000
- Công ty TNHH C H C	529.397.358	1.964.320.394
- Khách hàng về cung cấp dịch vụ vận tải	954.897.856	1.154.701.778
- Khách hàng khách sạn Cendeluxe	52.388.750	361.071.173
- Các khách hàng khác	670.959.324	137.534.637
<b>Cộng</b>	<b>2.207.643.288</b>	<b>14.650.627.982</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH XD Xây lắp Thế Minh	145.751.465	145.751.465
- Bà Võ Thị Thanh (trả trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Tp.HCM)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH CHC	1.599.149.226	-
- DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	4.200.331.031	-
- Các khách hàng khác	421.947.673	703.240.838
<b>Cộng</b>	<b><u>36.367.179.395</u></b>	<b><u>30.848.992.303</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Chi phí đền bù đất	3.855.899.331	4.537.816.591
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	-	12.791.760
- Công ty TNHH CHC	36.758.284.797	38.709.717.915
- Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	53.632.500.000	57.600.000.000
- Các khoản khác	134.065.670.628	1.126.615.673
<b>Cộng</b>	<b><u>229.111.310.756</u></b>	<b><u>102.785.897.939</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu	1.502.833.038	2.017.397.560
Công cụ dụng cụ	648.014.770	749.445.860
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.086.435.173	132.722.728
Thành phẩm	60.521.490	71.533.145
Hàng hóa	1.670.153.600	2.467.774.106
<b>Cộng</b>	<b><u>4.967.958.071</u></b>	<b><u>5.438.873.399</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số đầu năm		<b>5.365.260.044</b>
- Tăng trong kỳ	13.674.563.624	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	16.320.263.204	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.719.560.464</u></b>	

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng công tác cho cán bộ nhân viên	267.565.287	592.091.011
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>287.565.287</u></b>	<b><u>612.091.011</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, đồ dùng quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Tại 01/01/2014	893.217.538.615	15.096.107.324	127.217.672.401	8.581.091.922	27.146.129.395	1.071.258.539.657
Đầu tư hoàn thành	1.148.703.846	-	-	-	-	1.148.703.846
Mua trong kỳ	-	774.613.774	15.145.431.820	-	-	15.920.045.595
Phân loại lại	123.975.683	(4.077.772.729)	137.945.455	(89.572.045)	3.905.423.636	-
Thanh lý	-	-	(6.611.898.398)	-	-	(6.611.898.398)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>894.490.218.144</b>	<b>11.792.948.369</b>	<b>135.889.151.278</b>	<b>8.491.519.877</b>	<b>31.051.553.031</b>	<b>1.081.715.390.699</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại 01/01/2014	89.454.588.668	6.845.546.270	49.484.505.181	3.749.821.903	14.123.730.645	163.658.192.667
Trích khấu hao	20.105.225.135	1.086.182.919	12.971.293.560	839.084.206	3.692.932.372	38.694.718.192
Phân loại lại	114.065.163	(1.592.028.105)	(95.154.113)	(1.128.915)	1.574.245.970	-
Thanh lý	-	-	(4.319.264.476)	-	-	(4.319.264.476)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>105.210.991.089</b>	<b>6.339.701.084</b>	<b>58.041.380.152</b>	<b>4.587.777.194</b>	<b>19.390.908.987</b>	<b>198.033.646.383</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại 01/01/2014	803.762.949.947	8.250.561.054	77.733.167.220	4.831.270.019	13.022.398.750	907.600.346.990
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>784.816.339.178</b>	<b>5.453.247.285</b>	<b>77.847.771.126</b>	<b>3.903.742.683</b>	<b>11.660.644.044</b>	<b>883.681.744.316</b>

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Sửa chữa tài sản cố định	6.025.080.434	5.048.748.272
<b>Cộng</b>	<b>6.025.080.434</b>	<b>5.048.748.272</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Số đầu năm</b>		<b>102.469.034.831</b>
- Tăng trong kỳ	5.186.117.198	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	33.977.954.976	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>73.677.197.053</b>	

**12. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ mượn bao bì	371.000.000	371.000.000
Ký quỹ dịch vụ thuê ngoài khác	97.600.000	92.600.000
<b>Cộng</b>	<b>468.600.000</b>	<b>463.600.000</b>

12/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 01/01/2014	Số tiền vay trong kỳ	Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tại ngày 31/12/2014
Vay ngắn hạn	125.314.545.143	77.523.937.381	-	86.696.567.758	116.141.914.766
BIDV Phú Tài	84.947.228.600	-	-	-	84.947.228.600
Vietinbank Phú Yên	35.662.957.367	74.656.988.463	-	80.249.825.063	30.070.120.767
Vay của cá nhân	4.704.359.176	2.866.948.918	-	6.446.742.695	1.124.565.399
Vay dài hạn đến hạn trả	227.160.000.000	-	15.552.320.000	5.373.225.094	237.339.094.906
BIDV Phú Tài	213.054.000.000	-	-	-	213.054.000.000
VP Bank	356.000.000	-	356.000.000	356.000.000	356.000.000
LienVietPostBank	13.750.000.000	-	15.196.320.000	5.017.225.094	23.929.094.906
<b>Cộng</b>	<b>352.474.545.143</b>	<b>77.523.937.381</b>	<b>15.552.320.000</b>	<b>92.069.792.852</b>	<b>353.481.009.672</b>

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty VTTH Phú Yên - Xăng dầu dầu khí Phú Yên	-	2.495.754.200
Công ty dầu ăn GOLDEN HOPE -Nhà bè	-	1.500.877.459
DNTN TM An Phát	11.410.000.000	-
Chi Nhánh Công ty TNHH VT & SC ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	533.825.280	1.080.243.520
Công ty TNHH CKL Việt Nam	798.688.800	876.227.258
Công ty TNHH Miwon Việt Nam	-	370.593.299
DNTN TM Kim Phúc	1.427.710.804	1.029.103.676
Chi Nhánh Công ty TNHH VT & SC ô tô Phát Tường (Ninh Thuận)	-	466.628.140
Hoàng Phương - Bộ phận Sinh thái	123.490.000	264.115.000
Công ty Metro Cash & Carry Việt Nam	219.018.197	296.636.010
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	238.213.104	238.213.104
DNTN xăng dầu Phú Thành	564.442.000	731.345.700
Các đối tượng khác	5.790.472.432	8.459.455.332
<b>Cộng</b>	<b>21.105.860.617</b>	<b>17.809.192.698</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khách hàng trả trước tiền mua hàng	494.773.674	611.579.533
<b>Cộng</b>	<b>494.773.674</b>	<b>611.579.533</b>

Số  
VN  
31  
UA  
/4C

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	53.697.301.208	6.270.060.647	3.947.966.905	56.019.394.950
Thuế thu nhập cá nhân	480.538.399	42.739.906	229.618.236	293.660.069
Thuế TNDN	6.822.552.710	201.410.159	1.061.207.058	5.962.755.811
Thuế tiêu thụ đặc biệt	88.853.468	96.076.512	123.173.420	61.756.560
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	456.966.228	913.932.436	833.271.054	537.627.610
Thuế khác	533.599.321	-	-	533.599.321
<b>Cộng</b>	<b>62.079.811.334</b>	<b>7.524.219.660</b>	<b>6.195.236.673</b>	<b>63.408.794.321</b>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.12)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

**17. Phải trả người lao động**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn phải trả người lao động	4.834.837.611	4.609.156.000
<b>Cộng</b>	<b>4.834.837.611</b>	<b>4.609.156.000</b>

**18. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ngân hàng	315.670.395.900	241.693.041.945
<b>Cộng</b>	<b>315.670.395.900</b>	<b>241.693.041.945</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.258.040.051	1.035.985.955
Kinh phí công đoàn	80.220.063	45.964.543
Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.476.130.565
Công ty TNHH CHC	-	2.439.570.000
Hàng gửi	226.883.000	970.833.126
Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	6.717.954.890	-
Các khoản khác	3.465.697.393	1.785.171.791
<b>Cộng</b>	<b>13.882.705.962</b>	<b>8.411.435.980</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	514.101.609	546.216.153
<b>Cộng</b>	<b>514.101.609</b>	<b>546.216.153</b>

**21. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ khách hàng	526.280.168	522.336.168
Bà Võ Thị Thanh	12.025.136.708	12.025.136.708
Bà Võ Thanh Minh Hằng	1.279.905.000	719.905.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	701.270.000	701.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	330.600.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
Ông Trương Trọng Cừ	330.550.000	330.550.000
Ông Võ Văn Thuận	638.023.000	638.023.000
Tiền gửi nhân viên	8.332.066.875	8.958.975.875
<b>Cộng</b>	<b>24.494.381.751</b>	<b>24.557.346.751</b>

**22. Vay và nợ dài hạn**

	Tại ngày 01/01/2014	Số tiền vay trong năm	Số tiền vay đã trả	Số kết chuyển nợ đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2014
BIDV Phú Tài	330.543.734.507	-	-	-	330.543.734.507
VP Bank	445.000.000	-	-	356.000.000	89.000.000
Liên Việt Bank	44.931.000.000	-	-	15.196.320.000	29.734.680.000
Vay của cá nhân	36.076.852.321	25.484.100.000	31.312.464.476	-	30.248.487.845
<b>Cộng</b>	<b>411.996.586.828</b>	<b>25.484.100.000</b>	<b>31.312.464.476</b>	<b>15.552.320.000</b>	<b>390.615.902.352</b>

**23. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2013	435.030.000.000	9.022.107.363	2.506.140.934	3.660.166.685	450.218.414.982
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	702.930.690	702.930.690
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	116.074.028	58.037.014	(266.970.264)	(92.859.222)
Tại 31/12/2013	<b>435.030.000.000</b>	<b>9.138.181.391</b>	<b>2.564.177.948</b>	<b>4.096.127.111</b>	<b>450.828.486.450</b>
Tại 01/01/2014	435.030.000.000	9.138.181.391	2.564.177.948	4.096.127.111	450.828.486.450
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	641.669.588	641.669.588
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	70.293.069	35.146.535	(264.765.836)	(159.291.246)
Tại 31/12/2014	<b>435.030.000.000</b>	<b>9.208.474.460</b>	<b>2.599.324.483</b>	<b>4.473.030.863</b>	<b>451.310.829.806</b>

12  
G  
H  
N  
A

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.503.000	43.503.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.		

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu**

	<u>Quý IV/2014</u>	<u>Quý IV/2013</u>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.418.295.184	39.049.577.844
- Khoản giảm trừ doanh thu	78.257.690	534.991.017
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>32.340.037.494</b>	<b>38.514.586.827</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý IV/2014</u>	<u>Quý IV/2013</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	55.736.178.450	56.270.573.451
<b>Cộng</b>	<b>55.736.178.450</b>	<b>56.270.573.451</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý IV/2014</u>	<u>Quý IV/2013</u>
Lãi tiền gửi	1.035.797	1.394.197
Khác	-	28.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.035.797</b>	<b>28.801.394.197</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Quý IV/2014</u>	<u>Quý IV/2013</u>
Chi phí trả lãi vay	72.045.493.785	33.967.863.483
<b>Cộng</b>	<b>72.045.493.785</b>	<b>33.967.863.483</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý IV/2014</u>	<u>Quý IV/2013</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	919.618.563	1.117.232.501

3 / T / Á / H / T



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Chi phí công cụ dụng cụ, bao bì	1.058.465.736	1.252.733.803
- Chi phí khấu hao	4.602.012.250	3.658.202.735
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.606.144	194.627.305
- Chi phí khác bằng tiền	524.991.906	472.021.615
<b>Cộng</b>	<b>7.177.694.599</b>	<b>6.694.817.959</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Quý IV/2014</b>	<b>Quý IV/2013</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.720.499.041	4.654.066.681
- Chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng	1.194.759.271	6.865.363.265
- Khấu hao TSCĐ	2.440.637.688	3.937.085.758
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.751.182	662.484.046
- Thuế, phí và lệ phí	1.156.561.596	-
- Chi phí khác bằng tiền	328.980.944	835.718.818
<b>Cộng</b>	<b>13.065.189.722</b>	<b>16.954.718.568</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Quý IV/2014</b>	<b>Quý IV/2013</b>
- Thu thanh lý TSCĐ	165.272.727	-
- Các khoản khác	116.129.672.716	45.951.012.679
<b>Cộng</b>	<b>116.294.945.443</b>	<b>45.951.012.679</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b>Quý IV/2014</b>	<b>Quý IV/2013</b>
- Chi phí khác	530.928.486	5.839.684
- Giá trị còn lại tài sản thanh lý	543.090.094	-
<b>Cộng</b>	<b>1.074.018.580</b>	<b>5.839.684</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Quý IV/2014</b>	<b>Quý IV/2013</b>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(462.556.401)	73.180.558
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
- Thu nhập chịu thuế	(462.556.401)	73.180.558
- Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>18.295.140</b>

1/6/2  
 Y  
 N  
 IAO  
 PHI

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

Những giao dịch trọng yếu của các bên liên quan với Công ty phát sinh trong Quý IV/2014 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
---------------	-------------	--------------------	---------

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng quản trị - Cổ đông sáng lập	Cho Công ty mượn tiền	25.484.100.000
		Công ty trả lại tiền mượn	6.647.107.700
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc - Cổ đông sáng lập	Bà Thanh xóa nợ cho mượn	24.665.356.776
		Cho Công ty mượn tiền	560.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
<b>Phải trả</b>			
Bà Võ Thị Thanh	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, thù lao	12.943.760.708
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	701.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.600.000
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, thù lao	1.186.237.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.550.000
Ông Trương Trọng Cừ	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.550.000
Bà Võ Thị Thanh	Cổ đông sáng lập	Cho Công ty mượn tiền	30.248.487.845
<b>Phải thu</b>			
Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bà Võ Thị Thanh là Chủ tịch HĐQT	Nợ tiền vay	400.000.000.000
		Nợ tiền lãi vay	53.632.500.000

Tiền lương và thù lao của các thành viên quản lý Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	Thù lao + Lương	229.656.000
Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng GD	Lương	62.682.000
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng GD	Lương + Thù lao	116.583.000
Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng	Lương + Thù lao	29.691.000
Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng BKS	Lương + Thù lao	26.730.000
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	20.400.000
Bà Nguyễn Thị Ánh Loan	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	14.337.000

**2. Thông tin về bộ phận**

	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh khu du lịch và khách sạn	Kinh doanh thương mại	Sản xuất nước tinh khiết	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.627.911.488	9.258.776.352	787.596.409	1.665.753.245	32.340.037.494
Doanh thu tài chính	4.660	570.744	460.393	-	1.035.797
Thu nhập khác	34.138.951	55.586.195	116.181.556.452	23.668.222	116.294.945.444

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tổng doanh thu và thu nhập khác	<u>20.662.055.099</u>	<u>9.314.933.291</u>	<u>116.969.613.254</u>	<u>1.689.421.467</u>	<u>148.636.018.735</u>
Giá vốn hàng bán	22.049.851.513	8.692.082.628	24.039.207.577	955.036.732	55.736.178.450
Chi phí bán hàng	1.055.362.838	3.023.950.640	2.537.211.596	561.169.525	7.177.694.599
Chi phí quản lý doanh nghiệp	577.677.995	4.158.785.696	8.184.485.564	144.240.467	13.065.189.722
Chi phí tài chính	2.040.006.000	3.246.777.000	66.723.040.785	35.670.000	72.045.493.785
Chi phí khác	1.136.893	196.609	1.072.676.878	8.200	1.074.018.580
Tổng chi phí	<u>25.724.035.239</u>	<u>19.121.792.573</u>	<u>102.556.622.400</u>	<u>1.696.124.924</u>	<u>149.098.575.136</u>
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	<u>(5.061.980.140)</u>	<u>(9.806.859.282)</u>	<u>14.412.990.854</u>	<u>(6.703.457)</u>	<u>(462.556.401)</u>
Tổng tài sản của bộ phận	83.170.916.960	807.941.426.071	746.496.302.884	2.204.947.360	1.639.813.593.275
Nợ phải trả của bộ phận	17.195.061.280	306.847.753.078	864.257.820.932	202.128.179	1.188.502.763.469

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.2.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	299.754.211	333.926.044
Cho vay	400.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.207.643.288	14.650.627.982
Phải thu khác	229.111.310.756	102.785.897.939
<b>Cộng</b>	<u>631.618.708.255</u>	<u>517.770.451.965</u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	353.481.009.672	352.474.545.143
Phải trả người bán	21.105.860.617	17.809.192.698
Chi phí phải trả	315.670.395.900	241.693.041.945
Phải trả khác	38.377.087.713	32.968.782.731
Vay và nợ dài hạn	390.615.902.352	411.996.586.828
<b>Cộng</b>	<u>1.119.250.256.254</u>	<u>1.056.942.149.345</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo

PHỤ LỤC 1

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hoạt động tập trung ở lĩnh vực dịch vụ vận tải, dịch vụ nhà hàng khách sạn, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### ***Rủi ro thanh khoản***

- ⊗ Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối kỳ			
Vay và nợ ngắn hạn	353.481.009.672	-	353.481.009.672
Phải trả người bán	21.105.860.617	-	21.105.860.617

C.P. A.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi phí phải trả	315.670.395.900	-	315.670.395.900
Phải trả khác	13.882.705.962	24.494.381.751	38.377.087.713
Vay và nợ dài hạn	-	390.615.902.352	390.615.902.352
<b>Cộng</b>	<b>704.139.972.151</b>	<b>415.110.284.103</b>	<b>1.119.250.256.254</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	352.474.545.143	-	352.474.545.143
Phải trả người bán	17.809.192.698	-	17.809.192.698
Chi phí phải trả	241.693.041.945	-	241.693.041.945
Phải trả khác	8.411.435.980	24.557.346.751	32.968.782.731
Vay và nợ dài hạn	-	411.996.586.828	411.996.586.828
<b>Cộng</b>	<b>620.388.215.766</b>	<b>436.553.933.579</b>	<b>1.056.942.149.345</b>


Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	299.754.211	-	-	299.754.211
Cho vay	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.207.643.288	-	-	2.207.643.288
Phải thu khác	229.111.310.756	-	-	229.111.310.756
<b>Cộng</b>	<b>631.618.708.255</b>	-	-	<b>631.618.708.255</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	333.926.044	-	-	333.926.044
Cho vay	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	14.650.627.982	-	-	14.650.627.982
Phải thu khác	102.785.897.939	-	-	102.785.897.939
<b>Cộng</b>	<b>517.770.451.965</b>	-	-	<b>517.770.451.965</b>

Tỉnh Phú Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2015

  
**HUỲNH THỊ KHOA TRÂM**  
 Người lập biểu

  
**NGUYỄN VĂN NHƯ**  
 Kế toán trưởng

  
  
**VÕ THỊ THANH**  
 Tổng Giám đốc